**Phụ lục II[[1]](#footnote-1)**

**HƯỚNG DẪN BỘ CHỈ SỐ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

*(Kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024*

*của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

**Phần I. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH**

**I. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là xã đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt chuẩn nông thôn mới và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới so với tổng số xã trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ xã được công nhận*  *đạt chuẩn NTM (%)* | = | *Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số xã trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng

**5. Nguồn số liệu:**Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (sau đây viết tắt là Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022).

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**II. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là xã đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao so với tổng số xã đã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ xã được công nhận*  *đạt chuẩn NTM nâng cao (%)* | = | *Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số xã được công nhận*  *đạt chuẩn NTM trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:**Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**III. Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là xã đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu so với tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ xã được công nhận*  *đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (%)* | = | *Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số xã được công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long.

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng

**5. Nguồn số liệu:**Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**IV. Tỷ lệ huyện/thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới là huyện đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt chuẩn nông thôn mới và được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới so với tổng số đơn vị cấp huyện có thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng thôn mới theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (%)* | = | *Tổng số đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số đơn vị cấp huyện*  *xây dựng NTM trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:**Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**V. Tỷ lệ huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là huyện đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

- Tỷ lệ huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao so với tổng số huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ huyện được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ huyện được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao (%)* | = | *Tổng số huyện được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số huyện được công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:**Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**VI. Số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới**

**1. Giải thích từ ngữ**

Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến thời kỳ báo cáo.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng

**5. Nguồn số liệu:**Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp:** Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo:** Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**VII. Tỷ lệ thôn, làng, bản, buôn, phun sóc đạt chuẩn nông thôn mới**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Thôn, làng, ấp, bản, buôn, phun, sóc thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (sau đây gọi là thôn) đạt chuẩn nông thôn mới là thôn đáp ứng các yêu cầu, quy định của cấp có thẩm quyền về đạt chuẩn nông thôn mới và được cấp có thẩm quyền quyết định công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới.

- Tỷ lệ thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số thôn đạt chuẩn nông thôn mới so với tổng số thôn trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến kỳ báo cáo và tính tỷ lệ thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo công thức sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ thôn được công nhận*  *đạt chuẩn NTM (%)* | = | *Tổng số thôn được công nhận đạt chuẩn NTM trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số thôn trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:**Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**VIII. Bình quân tiêu chí xã nông thôn mới đạt chuẩn/xã**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Tiêu chí xã nông thôn mới là tiêu chí được quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Tiêu chí xã nông thôn mới đạt chuẩn là tiêu chí đạt tất cả các nội dung thành phần của tiêu chí đó theo chỉ tiêu quy định áp dụng trên địa bàn.

- Bình quân tiêu chí xã nông thôn mới đạt chuẩn/xã là tổng số tiêu chí xã nông thôn mới đạt chuẩn của các xã trên địa bàn so với cho tổng số xã trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Dựa theo số liệu báo cáo của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện, cấp tỉnh, tính toán số liệu số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân/xã theo công thức sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Bình quân tiêu chí NTM đạt chuẩn/xã* | = | *Tổng số tiêu chí xã NTM*  *đạt chuẩn của các xã trên địa bàn* |
| *Tổng số xã trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**IX. Bình quân tiêu chí huyện nông thôn mới đạt chuẩn/huyện**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Tiêu chí huyện nông thôn mới là tiêu chí được quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới.

- Tiêu chí huyện nông thôn mới đạt chuẩn là tiêu chí đạt tất cả các nội dung thành phần của tiêu chí đó theo chỉ tiêu quy định áp dụng trên địa bàn.

- Bình quân tiêu chí huyện nông thôn mới đạt chuẩn/huyện là tổng số tiêu chí huyện nông thôn mới đạt chuẩn của các huyện trên địa bàn so với cho tổng số huyện trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Dựa theo số liệu báo cáo của Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện, cấp tỉnh, tính toán số liệu số tiêu chí nông thôn mới đạt chuẩn bình quân/huyện theo công thức sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Bình quân tiêu chí huyện NTM*  *đạt chuẩn/huyện* | = | *Tổng số tiêu chí huyện NTM đạt chuẩn của các huyện trên địa bàn* |
| *Tổng số huyện trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**Phần II. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH**

**I. Tỷ lệ các xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới là xã đạt tất cả các nội dung của tiêu chí đó theo quy định áp dụng trên địa bàn.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới đó so với tổng số xã trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

- Đánh giá mức đạt các chỉ tiêu của tiêu chí xã nông thôn mới theo các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan trung ương.

- Thống kê cộng dồn số lượng xã đạt tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ xã đạt tiêu chí NTM (%)* | = | *Tổng số xã đạt tiêu chí*  *NTM đó trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số xã trên địa bàn* |

***Ví dụ:***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quy hoạch (%)* | = | *Tổng số xã đạt tiêu chí*  *quy hoạch trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số xã trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;

- Số tiêu chí đạt: 19 tiêu chí; 15 - 18 tiêu chí; 10 - 14 tiêu chí; 5 - 9 tiêu chí;

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng, hàng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới theo phân công.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**II. Tỷ lệ các xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao được quy định trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao là xã đạt tất cả các chỉ tiêu của tiêu chí đó theo quy định áp dụng trên địa bàn.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao đó so với tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

- Đánh giá mức đạt các chỉ tiêu của tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao theo các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan trung ương.

- Thống kê cộng dồn số lượng xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ xã đạt tiêu chí*  *NTM nâng cao (%)* | = | *Tổng số xã đạt tiêu chí*  *NTM nâng cao đó trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số xã đạt chuẩn*  *NTM trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng, hàng năm.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới theo phân công.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**III. Tỷ lệ các xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu là xã trên địa bàn đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Tỷ lệ xã đạt tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu đó so với tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng dồn số lượng xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ xã đạt tiêu chí*  *Xã NTM kiểu mẫu (%)* | = | *Tổng số xã đạt tiêu chí*  *NTM kiểu mẫu đó trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số xã đạt chuẩn*  *NTM trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**IV. Tỷ lệ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới được quy định trong Bộ tiếu chí quốc gia về huyện nông thôn mới là huyện đạt tất cả các chỉ tiêu của tiêu chí đó theo quy định áp dụng trên địa bàn.

- Tỷ lệ huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số huyện đạt tiêu chí nông thôn mới đó so với tổng số huyện trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

- Đánh giá mức đạt các chỉ tiêu của tiêu chí huyện nông thôn mới theo các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan trung ương.

- Thống kê cộng dồn số lượng huyện đạt tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ huyện đạt tiêu chí nông thôn mới theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ huyện đạt tiêu chí huyện NTM (%)* | = | *Tổng số huyện đạt tiêu chí*  *huyện NTM đó trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số huyện trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, cơ quan trung ương được giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí huyện nông thôn mới theo phân công.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**V. Tỷ lệ các huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao được quy định trong Bộ tiếu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao là huyện đạt tất cả các chỉ tiêu của tiêu chí đó theo quy định áp dụng trên địa bàn.

- Tỷ lệ huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao là tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng số huyện đạt tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao đó so với tổng số huyện đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn.

**2. Phương pháp tính**

- Đánh giá mức đạt các nội dung thành phần của tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao theo các văn bản hướng dẫn của các Bộ, cơ quan trung ương.

- Thống kê cộng dồn số lượng huyện đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán tỷ lệ huyện đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao theo công thức:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Tỷ lệ huyện đạt tiêu chí*  *huyện NTM nâng cao (%)* | = | *Tổng số huyện đạt tiêu chí*  *huyện NTM nâng cao đó trên địa bàn* | *x 100* |
| *Tổng số huyện đạt chuẩn NTM*  *trên địa bàn* |

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Tiêu chí;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Phần III. BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ, GIÁM SÁT KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. Tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới**

**1. Giải thích từ ngữ**

Tổng nguồn lực huy động thực hiện Chương trình bao gồm: Tổng vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư phát triển: nguồn trong nước, nguồn nước ngoài; kinh phí sự nghiệp); tổng vốn ngân sách địa phương; vốn lồng ghép (vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; vốn của các chương trình, dự án khác, được bố trí thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình hoặc góp phần đạt được các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trên địa bàn nông thôn); vốn tín dụng; vốn doanh nghiệp; huy động tự nguyện từ người dân và cộng đồng.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn lực bố trí thực hiện các nội dung thành phần của Chương trình để đạt được các tiêu chí nông thôn mới theo quy định trên địa bàn trong của từng năm đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Tổng nguồn lực huy động (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn (vốn ngân sách trung ương; vốn ngân sách địa phương; vốn lồng ghép; vốn tín dụng; vốn doanh nghiệp; huy động tự nguyện từ người dân và cộng đồng).

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ công bố:**6 tháng

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**II. Vốn ngân sách trung ương**

**1. Giải thích từ ngữ**

Vốn ngân sách trung ương, bao gồm: vốn đầu tư phát triển (nguồn trong nước, nước ngoài), kinh phí sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao hằng năm cho địa phương để triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn vốn ngân sách trung ương để thực Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn ngân sách trung ương (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn (vốn đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp) từ ngân sách trung ương được cấp có thẩm quyền giao hằng năm cho địa phương để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ công bố:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**III. Vốn ngân sách địa phương**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được hỗ trợ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới: Vốn ngân sáchđịa phương bố trí thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới là tổng vốn ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, huyện, xã) bố trí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, theo tỷ lệ đối ứng được quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

- Đối phương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương không được hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới: Vốn ngân sách địa phương bố trí thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới là tổng vốn ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, huyện, xã) tự cân đối để bố trí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn vốn ngân sách địa phương các cấp được bố trí để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn ngân sách địa phương (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn (đầu tư phát triển, kinh phí sự nghiệp) từ ngân sách địa phương các cấp (tỉnh, huyện xã) bố trí thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình xây dựng nông thôn mới tính đến thời điểm báo cáo.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ công bố:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**IV. Vốn lồng ghép**

**1. Giải thích từ ngữ**

- Vốn lồng ghép là các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình, dự án khác được lồng ghép để thực hiện/hoặc góp phần thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn nông thôn.

- Vốn lồng ghép không thuộc vốn đối ứng từ ngân sách địa phương để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo quy định.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ vốn lồng ghép để thực hiện/hoặc góp phần thực hiện các nội dung, tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn nông thôn và tính toán theo công thức sau:

Tổng vốn lồng ghép (triệu đồng) = Tổng các nguồn vốn từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các chương trình, dự án khác được lồng ghép để thực hiện/hoặc góp phần thực hiện các nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn nông thôn.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ công bố:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**V. Vốn tín dụng**

**1. Giải thích từ ngữ**

Vốn tín dụng là dư nợ của các tổ chức tín dụng cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã. Nguồn vốn tín dụng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn vốn tín dụng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn tín dụng (triệu đồng) = Tổng dư nợ của các tổ chức tín dụng cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn xã.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ công bố:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (theo số liệu NHNN Việt Nam theo dõi, tổng hợp).

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh (theo số liệu NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố theo dõi, tổng hợp).

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**VI. Vốn doanh nghiệp**

**1. Giải thích từ ngữ**

Vốn doanh nghiệp là nguồn vốn huy động từ doanh nghiệp, Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế khác được thực hiện thông qua hình thức hỗ trợ tiền mặt, sản phẩm của doanh nghiệp (như xi măng, sắt thép, gạch, ngói,..), tham gia đầu tư trực tiếp.

**2. Phương pháp tính**

Thống kê cộng toàn bộ nguồn vốn doanh nghiệp thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo và tính toán theo công thức sau:

Vốn doanh nghiệp (triệu đồng) = Tổng vốn huy động từ doanh nghiệp, Hợp tác xã, các tổ chức kinh tế khác được thực hiện thông qua hình thức hỗ trợ tiền mặt, sản phẩm của doanh nghiệp (như xi măng, sắt thép, gạch, ngói,..), tham gia đầu tư trực tiếp.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ công bố:**6 tháng.

**5. Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**VII. Vốn huy động đóp góp tự nguyện từ người dân và cộng đồng**

**1. Giải thích từ ngữ**

Vốn huy động đóng góp tự nguyện từ người dân và cộng đồng là khoản đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng bằng tiền mặt hoặc hiện vật (như đất đai, hoa màu và các tài sản gắn liền với đất,…), ngày công lao động quy đổi thành tiền, trong xây dựng nông thôn mới.

**2. Phương pháp tính**

Vốn huy động đóng góp tự nguyện từ người dân và cộng đồng (triệu đồng) = toàn bộ vốn của người dân và cộng đồng đóng góp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn đến kỳ báo cáo.

**3. Phân tổ chủ yếu**

- Nội dung thực hiện Chương trình;

- Huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh;

- Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Vùng kinh tế - xã hội: Miền núi phía Bắc, Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long;

- Cả nước.

**4. Kỳ báo cáo:**6 tháng.

***5.* Nguồn số liệu:** Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới theo Mẫu báo cáo được quy định tại Phụ lục Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022.

**6. Cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp**

- Cấp toàn ngành: Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Cấp tỉnh: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp huyện.

**7. Cơ quan chịu trách nhiệm theo dõi, báo cáo**

- Cấp Trung ương: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Bổ sung Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT theo quy định tại [khoản 17 Điều 1 của Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, có hiệu lực từ ngày 31 tháng 5 năm 2024.](https://luatvietnam.vn/noi-dung-tham-chieu.html?DocItemId=2623852) [↑](#footnote-ref-1)